

Số: 04 /2018/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 12 tháng 3 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 09/4/2015 của UBND tỉnh Lào Cai



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 568/TTr-STNMT ngày 04 tháng 12 năm 2017 và Văn bản số: 326/STNMT-CCĐ ngày 12 tháng 02 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 09/4/2015 của UBND tỉnh. Cụ thể như sau:

1. Khoản 2 Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"2. Những nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư không quy định trong bản Quy định này thực hiện theo quy định của Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013 (sau đây gọi tắt là Luật Đất đai 2013); Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai (sau đây gọi tắt là Nghị định số 43/2014/NĐ-CP); Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất (sau đây gọi tắt là Nghị định số 47/2014/NĐ-CP); Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai (sau đây gọi tắt là Nghị định số 01/2017/NĐ-CP); Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất; Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất (sau đây gọi tắt là Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT) và các văn bản pháp luật khác có liên quan."

2. Các khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 14 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"1. Đối với các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP:

Mức hỗ trợ một tháng cho một nhân khẩu được tính bằng 600.000 đồng /01 tháng (sáu trăm ngàn đồng - tương đương 30 kg gạo tẻ thường).

Trường hợp tại thời điểm lập phương án bồi thường, hỗ trợ mà giá gạo tẻ thường có sự biến động lớn trên 20% liên tục trong hai tháng theo báo cáo giá thị trường hàng tháng của Sở Tài chính, thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng tham mưu để UBND huyện, thành phố báo cáo UBND tỉnh quyết định.

2. Đối với hộ gia đình, cá nhân quy định tại điểm d, đ, e khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP thì được hỗ trợ ổn định sản xuất theo hình thức bằng tiền, thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Đối với các trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP thì được hỗ trợ ổn định sản xuất như sau:

a) Đối với tổ chức: Được hỗ trợ bằng tiền với mức bằng 30% mức thu nhập sau thuế một năm, theo mức thu nhập bình quân của 03 năm liền kề trước đó; trường hợp thời gian kinh doanh chưa được 03 năm thì tính theo mức thu nhập bình quân (tính theo năm) từ khi bắt đầu kinh doanh (theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) đến thời điểm thu hồi đất.

Thu nhập sau thuế được xác định căn cứ vào báo cáo tài chính đã được kiểm toán hoặc được cơ quan thuế chấp thuận; trường hợp chưa được kiểm toán hoặc chưa được cơ quan thuế chấp thuận thì việc xác định thu nhập sau thuế được căn

cứ vào thu nhập sau thuế do đơn vị kê khai tại báo cáo tài chính, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối mỗi năm đã gửi cơ quan thuế, được cơ quan thuế xác nhận.

b) Đối với hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tư nhân tại nhà, không có báo cáo tài chính mà phải ngừng sản xuất kinh doanh do bị phá dỡ nơi kinh doanh mà có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, có nộp thuế đầy đủ tại nơi kinh doanh được cơ quan thuế địa phương xác nhận thì được hỗ trợ ổn định sản xuất một lần bằng 5.000.000 (năm triệu) đồng /hộ.

4. Người lao động do tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP thuê lao động theo hợp đồng lao động thì được áp dụng hỗ trợ chế độ trợ cấp ngừng việc như sau:

a) Tổ chức kinh tế, hộ sản xuất kinh doanh có giấy chứng đăng ký kinh doanh, có thuê lao động theo hợp đồng lao động, bị ngừng sản xuất kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất thì người lao động được áp dụng hỗ trợ chế độ trợ cấp ngừng việc theo quy định tại khoản 3, Điều 98, Bộ Luật lao động; Mức hỗ trợ bằng tiền lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định theo từng thời điểm và hỗ trợ các khoản kinh phí do doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh phải đóng cho người lao động bao gồm: Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn theo quy định của Luật Lao động.

b) Đối tượng được hỗ trợ là người lao động quy định tại điểm a, điểm b, khoản 1, Điều 22, Bộ Luật lao động (*là người lao động, phải được giao kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn và hợp đồng lao động có xác định thời hạn từ 01 đến 03 năm, có đóng Bảo hiểm xã hội và các khoản phải đóng theo chế độ quy định*). Thời gian tính hỗ trợ là thời gian ngừng sản xuất kinh doanh, nhưng tối đa không quá 06 tháng.

c) Thời gian ngừng sản xuất kinh doanh được xác định theo thực tế do tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng xác định, cơ quan thẩm định xem xét trình Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định cho từng dự án cụ thể."

3. Điều 15 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 15. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP; khoản 2 Điều 6 Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT

1. Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà được bồi thường bằng tiền; hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP (*trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông, lâm trường quốc doanh*

đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp thì được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng tiền, mức hỗ trợ bằng 03 (ba) lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi; diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương theo quy định tại Điều 129 Luật Đất đai 2013;

Trường hợp một hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất nhiều lần để thực hiện nhiều dự án thì tổng diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương.

2. Hộ gia đình vừa có nhân khẩu là cán bộ, công chức, viên chức (*đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp*) vừa có nhân khẩu không phải là cán bộ, công chức, viên chức nhưng đang sử dụng đất nông nghiệp vào mục đích sản xuất nông nghiệp, khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình đó thì nhân khẩu không phải là cán bộ, công chức, viên chức được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm

Mức hỗ trợ một nhân khẩu bằng Tổng mức hỗ trợ tính theo quy định tại khoản 1 Điều này chia cho tổng số nhân khẩu của hộ gia đình tại thời điểm có quyết định thu hồi đất.

3. Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất bị thu hồi có trách nhiệm lập sổ theo dõi diện tích được hỗ trợ của hộ gia đình, cá nhân trong từng dự án và lưu lâu dài để phục vụ hoạt động quản lý theo quy định.

Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xác nhận hộ gia đình, cá nhân có thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp theo quy định tại Điều 3a Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; khoản 2 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP."

Điều 2. Hiệu lực và điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 25/3/2018.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Q*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TT.TU, HĐND, UBND tỉnh;
- TT Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- Sở Tư pháp (*Tư kiểm tra văn bản*);
- Ủy ban MTTQVN tỉnh; các đoàn thể của tỉnh;
- Hội đồng nhân dân các huyện, thành phố;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;
- Báo Lào Cai, Đài PTTH tỉnh Lào Cai;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TH1,3, KT1, QLĐT1,2,3,4, TCD2,3,4,5, NLN1, TNMT2. *Phu*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Ngọc Hưng